

TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐA PHÚC

Chương : 622

DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(kèm theo Quyết định số: **78** / QĐ-THDP ngày **30/ 6** /2022 của trường Tiểu học Đa Phúc
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVtính: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi , nộp ngân sách phí, lệ phí	8.013.965
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.105.965
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.908.000
1	Chi quản lý hành chính	6.908.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.908.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	

2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐA PHÚC

Chương : 622

QUYẾT TOÁN THU – CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2021

(kèm theo Quyết định số: 78 / QĐ-THDP ngày 30 / 06 / 2022 của trường Tiểu học Đa Phúc

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVtính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu	7.757.773	7.757.773	5.940.056	1.148.913	
A	Tổng số thu					
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Lệ phí					
1	Lệ phí A					
	Lệ phí B					
1.2	Phí					
	Phí A					
	Phí B					
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Thu sự nghiệp khác	1.105.965	1.105.965	583.205	54.202	
3.1	Chi sự nghiệp.....	1.105.965	1.105.965	583.205	54.202	
3.1.1	Tiếng Anh Pho nic	70.040	70.040	21.350		
3.1.2	Tiếng Anh liên kết	127.650	127.650			
3.1.3	Kỹ năng sống	133.450	133.450	19.528		
3.1.4	Quản lý học sinh ngoài giờ lên lớp	774.825	774.825	542.377	54.202	
3.1.5	Kế hoạch nhỏ	44.820	44.820			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	1.105.965	1.105.965	583.205	54.202	
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.105.965	1.105.965	583.205	54.202	
1.1	Chi sự nghiệp.....	1.105.965	1.105.965	583.205	54.202	
1.1.1	Tiếng Anh Pho nic	70.040	70.040	21.350		
1.1.2	Tiếng Anh liên kết	127.650	127.650			
1.1.3	Kỹ năng sống	133.450	133.450	19.528		
1.1.4	Quản lý học sinh ngoài giờ lên lớp	774.825	774.825	542.377	54.202	
1.1.5	Kế hoạch nhỏ	44.820	44.820			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					

3	Hoạt động sự nghiệp khác					
C	Số thu nộp NSNN					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1.1	Lệ phí					
	Lệ phí A					
	Lệ phí B					
1.2	Phí					
	Phí A					
	Phí B					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	7.757.773	7.757.773	5.940.056	1.148.913	
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.645.760	7.645.760	5.940.056	37.900	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				1.121.013	
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	7.757.773	7.757.773	5.940.056	1.148.913	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.645.760	7.645.760	5.940.056	37.900	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				1.121.013	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					

	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>					
2	Chi Chương trình mục tiêu					
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>					

TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐA PHÚC

Chương : 622

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

DV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	7.757.773	7.757.773		
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.105.965	1.105.965		
2.1	Chi sự nghiệp.....	1.105.965	1.105.965		
2.1.1	Tiếng Anh Pho nic	70.040	70.040		
2.1.2	Tiếng Anh liên kết	127.650	127.650		
2.1.3	Kỹ năng sống	133.450	133.450		
2.1.4	Quản lý học sinh ngoài giờ lên lớp	774.825	774.825		
2.1.5	Kế hoạch nhỏ	44.820	44.820		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.757.773	7.757.773		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.645.760	7.645.760		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.121.013,0	1.121.013		
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				

3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				